TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03/10/2019
V/v:“ Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hiển

2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2019/TLST- HNGĐ) ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2019/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, Sinh năm: 1980

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình;

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Như C,** sinh năm 1980,

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị T có có đơn xin xét xử vắng mặt; anh C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2019, bản tự khai đề ngày 29/7/2019, các tài liệu, chứng cứ đã xuất trình tại tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Như C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Thái

Bình vào ngày 05/9/2003. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau ở thôn T, xã B. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C không chịu lao động, thường xuyên tụ tập rượu chè nên vợ chồng mâu thuẫn, xung đột, bất đồng về quan điểm sống. Anh C còn thường xuyên chửi mắng, văng tục với chị, có lối sống chơi bời, thiếu trách nhiệm và không tôn trọng chị. Vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, còn anh C vẫn ở tại ngôi nhà của anh chị và đều ở cùng chung một thôn T, xã B. Chị và gia đình đã tìm các biện pháp cải thiện tình cảm, được gia đình, họ hàng hai bên đã nhiều lần hòa giải, động viên anh chị, nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Nguyễn Thị Q, sinh ngày 31/5/2004 và Nguyễn Như K, sinh ngày 12/5/2009. Hiện nay, hai con của anh chị đang ở với chị và do chị chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị. Chị T xuất trình và giao nộp cho Tòa án 01 Đơn đề nghị xác nhận điều kiện nuôi con của chị có xác nhận của UBND xã B thể hiện về nơi ở của chị là ngôi nhà do vợ chồng chị tạo lập tại thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình và hiện chị đang lao động tự do, mức thu nhập bình quân một ngày là 250.000đồng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Chị và anh C không cho ai vay tài sản gì và không vay nợ chung tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức nào nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do tính chất công việc bận mải và có việc cần thiết phải đi xa, chị T không thể về Tòa án tham gia phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị và anh C được. Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị tại phiên tòa ngày 03/10/2019. Chị T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Bản tự khai và trong quá trình làm việc tại Tòa án. Chị cam đoan không thay đổi, bổ sung hay rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị.

**** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và gửi các bản sao tài liệu chứng cứ mà chị Tám giao nộp cho Tòa án cho anh C*** theo đơn đề nghị của chị T. Tòa án đã ra Giấy triệu tập báo anh C đến Tòa làm việc nhiều lần nhưng anh Cường không đến, mặc dù việc chị T xin ly hôn anh, anh C đã biết. Tại biên bản xác minh ngày 20/8/2019 ở UBND xã B, cán bộ bưu tá xã là ông Hoàng Văn C cung cấp: Tất cả các văn bản của Tòa án gửi cho anh C, bưu tá xã đã chuyển đến tận nơi cho anh C và gia đình anh C, anh C và gia đình anh đã ký nhận. Chỉ có 01 văn bản ngày 13/8/2019 của Tòa án gửi cho anh C (là thông báo thu thập được tài liệu chứng cứ: lời trình bày của bà Nguyễn Thị X - mẹ đẻ chị T và lời trình bày nguyện vọng của hai con anh C) thì khi bưu tá chuyển đến nhà, anh C đã đi lao động tự do tại Hải Phòng nên phải chuyển hoàn cho Tòa án. Tuy nhiên, nội dung

này đã được Tòa án thông báo cho ông Nguyễn Như H, là bố đẻ của anh C biết vào ngày 20/8/2019 khi Tòa án ghi lời trình bày của ông Hộ tại gia đình ông, ông H nhất trí sẽ thông báo ngay cho anh C biết về nội dung này. Tài liệu chứng cứ là bản sao mà chị T giao nộp, chị T có đơn đề nghị Tòa án hỗ trợ gửi cho anh C, Tòa án đã gửi cho anh C cùng với Thông báo thụ lý vụ án và anh C cũng đã nhận được đầy đủ. Sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, do anh C không có mặt nên Tòa án đã gửi kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành phiên hòa giải cho anh C theo quy định. Tòa án đã gửi các thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ và gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh C nhưng tại phiên tòa xét xử ngày 16/9/2019 anh C vắng mặt nên Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa xét xử vào ngày 03/10/2019.

*/ Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng là bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1943 - mẹ đẻ chị T trình bày: Năm 2003 chị T kết hôn tự nguyện với anh Nguyễn Như C, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị làm ăn, sinh sống tại xã Bách Thuận. Vợ chồng anh chị hạnh phúc đến năm 2015 thì mâu thuẫn phát sinh do anh C lười lao động, hay tụ tập rượu chè và thiếu tôn trọng, quan tâm đến chị T. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay chị T có đơn xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn để ổn định cuộc sống. Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung. Con lớn sinh năm 2004 và con nhỏ sinh năm 2009. Ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị T nuôi dưỡng vì hiện tại các cháu đang do chị T nuôi dưỡng và ăn học ổn định. Còn anh C hiện tại đã bỏ đi làm ăn xa, không có công việc và hay chơi bời, tụ tập rượu chè nên không có khả năng nuôi các cháu. Về quan hệ tài sản chung của vợ chồng, bà có lời trình bày thống nhất như lời khai của chị T.

*/ Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng là ông Nguyễn Như H, sinh năm 1949 là bố đẻ của anh C trình bày về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, thời điểm phát sinh mâu thuẫn của chị T và anh Nguyễn Như C như lời trình bày của chị T và bà X. Chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở cùng thôn và vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay chị T có đơn xin ly hôn, gia đình ông nhất trí để cho anh chị ly hôn vì gia đình hai bên đã vun vén cho anh chị nhiều năm rồi nhưng anh chị vẫn sống thờ ơ, không quan tâm đến nhau, sống mỗi người một nơi và thời gian ly thân đã dài, khó hàn gắn được tình cảm. Ông H khẳng định anh C đã biết việc chị T xin ly hôn anh ra Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, nhưng anh không có ý kiến gì, buông xuôi, để mặc cho chị T tự giải quyết một mình, kết quả giải quyết thế nào anh cũng không quan tâm. Các văn bản mà Tòa án gửi cho anh C trong quá trình giải quyết vụ án, gia đình ông và anh C đã nhận trực tiếp từ bưu tá xã chuyển đến. Những khi anh C không có mặt ở nhà thì ông và mẹ đẻ anh C nhận thay văn bản mà Tòa án gửi và đã thông báo nội dung cho anh C biết. Bản thân anh C đã nhận và ký vào phần người nhận văn bản là Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và bản sao tài liệu của chị T gửi anh C. Hiện anh C mới đi ra Hải Phòng để đi làm tự do, kiếm việc

làm, cuối tuần, cuối tháng anh về thăm gia đình. Ông H đề nghị Tòa án cứ giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và xem xét cho chị T được ly hôn anh C để chị T yên tâm làm việc nuôi con, gia đình ông không có ý kiến gì. Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung. Con Nguyễn Thị Q, sinh năm 2004 và con Nguyễn Như K, sinh năm 2009. Ly hôn, ông đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện tại anh C đang đi làm xa, công việc chưa ổn định nên chưa có điều kiện chăm sóc con cái. Vợ chồng ông bà già yếu, không có đủ điều kiện nuôi các cháu. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng chị T có 01 ngôi nhà cấp 4, 02 gian xây trên đất của ông bà. Anh chị không nợ tài sản của ai. Ông H đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ tài sản của chị T anh C theo quy định pháp luật.

**** Qua xác minh với Ủy ban nhân dân xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình vào ngày 20/8/2019 thì thấy:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 05/9/2003. Quá trình chung sống của vợ chồng, nguyên nhân và thời gian mâu thuẫn của vợ chồng chị T anh C đúng như lời trình bày của chị T, bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Như H là mẹ và bố của các đương sự đã trình bày. Về việc gửi các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh C là bị đơn trong vụ án: anh C và gia đình anh C đã nhận được như lời trình bày của ông bưu tá xã và những người có liên quan là đảm bảo quyền lợi cho anh C. Việc anh C không đến tòa án để thể hiện quan điểm, theo địa phương là do anh C không muốn giải quyết ly hôn với chị T. Nay chị T xin ly hôn anh C, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh C vì đời sống chung của anh chị không còn tồn tại trong nhiều năm, vợ chồng mâu thuẫn và không có khả năng đoàn tụ, hàn gắn và bản thân chị T đã cắt khẩu hẳn về nhà mẹ đẻ từ năm 2015 đến nay. Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung. Con lớn sinh năm 2004 và con nhỏ sinh năm 2009. Ly hôn, đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị Tám nuôi dưỡng vì hiện tại các cháu đang do chị T nuôi dưỡng và ăn học ổn định. Còn anh C hiện tại đi làm ăn xa, không có công việc và hay chơi bời, tụ tập rượu chè nên không đủ khả năng và điều kiện nuôi các cháu. Về quan hệ tài sản chung của vợ chồng đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và quy định pháp luật. Anh chị không có vay nợ của các tổ chức, đoàn thể ở xã.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm***:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, từ việc viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và có đơn xin xét xử vắng mặt đảm bảo đúng quy định. Bị đơn không có mặt khi Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia

phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và phiên tòa là không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình ; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội đề nghị:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Như C.

+ Quan hệ con chung: Đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho chị Tám tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết.

+ Chị Tám phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T và anh C được kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Như C kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 05/9/2003 là hôn nhân hợp pháp. Do anh C không tu chí làm ăn và thiếu sự tôn trọng, quan tâm đến chị T nên từ năm 2015 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Gia đình hai bên nội ngoại của anh chị trong nhiều năm đã kiên trì khuyên bảo, động viên và tìm biện pháp cải thiện cuộc sống hôn nhân của anh chị nhưng không có kết quả, anh chị vẫn thờ ơ, không quan tâm, yêu thương nhau, cũng như đều không có thái độ muốn xây dựng, cải thiện tình cảm vợ chồng. Anh C và chị T đã sống ly thân được 04 năm, chị T đã cắt hẳn khẩu về gia đình nhà mẹ đẻ từ năm 2015. Tòa án đã ra giấy báo anh C đến Tòa nhiều lần để làm việc và hướng dẫn anh C viết bản tự khai trình bày quan điểm của anh với việc chị T xin ly hôn, việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn, tham gia phiên họp tiếp cận chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng anh C đều không đến, mặc dù anh C biết Tòa án đang giải quyết việc ly hôn của anh chị. Điều này thể hiện cả hai vợ chồng chị T anh C đều không còn thiết tha với cuộc hôn nhân này nữa và không còn khả năng đoàn tụ. Quan điểm của đại diện gia đình chị T, đại diện gia đình anh Cvà chính quyền địa phương đều nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy đời sống chung của vợ chồng chị T và anh C đã chấm dứt trên thực tế, thực trạng đời sống chung của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Như C.

[2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh C có 02 con chung là Nguyễn Thị Q, sinh ngày 31/5/2004 và Nguyễn Như K, sinh ngày 12/5/2009. Ly hôn, do anh C vắng mặt và không thể hiện quan điểm; hơn nữa anh C chưa có công việc và thu nhập ổn định. Chị T xin nuôi 02 con chung và nguyện vọng của cả hai con đều mong muốn được ở với mẹ. Xét điều kiện nuôi con của chị T thấy: chị T hiện đang có thu nhập 250.000đồng/ ngày, có chỗ ở ổn định, các con của chị đều đang được chị nuôi dưỡng phát triển tốt và được ăn học, điều này được gia đình nội ngoại và chính quyền địa phương công nhận. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, nên giao 02 con chung của anh chị cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với thực tế. Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Như C vắng mặt và chưa có quan điểm về quan hệ tài sản chung của vợ chồng nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 267, Điều 271và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Như C.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao 02 con chung là Nguyễn Thị Q, sinh ngày 31/5/2004 và Nguyễn Như K, sinh ngày 12/5/2009 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh Nguyễn Như C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Như C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai

số 0003498 ngày 25/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí theo quy định.

5. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Nguyễn Như C. Báo cho biết: nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái bình;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Thị Thoan

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái bình;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Thoan

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái bình;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Thoan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Thoan